TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 686/2020/HC-PT
Ngày 10/11/2020
V/v: "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 760/2019/TLPT-HC ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 46/2019/HC-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3885/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1946; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Thị Kim Tuyến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn T – Chủ tịch (xin vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh T – Chủ tịch (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Hoàng M – Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện B (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Đ trình bày: Về nội dung khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 2202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B, Quyết định 171/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre. Về căn cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện là có cơ sở:

Quyết định 2202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B giải quyết không đúng yêu cầu của ông Đ, nội dung đơn khiếu nại ông Đ yêu cầu công nhận phần đất diện tích 86m^2 thuộc phần đất thửa 98 tờ bản đố số 7 mà UBND huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ. Theo ông Đ, phần đất này là của ông nội của ông là cụ Nguyễn Văn Tuấn để lại cho cha của ông. Phần đất này là lối đi từ nhà của ông Đ đi ra thửa đất 98. Phần đất này Chủ tịch UBND huyện B cho rằng là của bà Lợi hiến tặng để làm đường đi công cộng là không phù hợp.

Thửa đất 99 của bà Lợi có diện tích 836m^2 nhưng bà Lợi đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Nuôi diện tích 332.1m^2, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Kèo diện tích 272.5m^2, chuyển nhượng cho ông Trần Văn Lãm diện tích 272.3m^2 với tổng diện tích là 865.9m^2 là nhiều hơn diện tích đất bà Lợi đã có. Phần lối đi có diện tích 86m^2 nếu cộng vào đất của bà Lợi thì diện tích đất bà Lợi là 951.9m^2 là không phù hợp. Chủ tịch UBND huyện B cho rằng bà Lợi hiến phần đất này để làm lối đi nhưng toàn bộ hồ sơ không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc hiến tặng này. Mặt khác, bà Lợi có tờ tường thuật ngày 14/3/2012 gửi UBND xã Phú Ngãi, huyện Ba Tri để trình bày việc bà Lợi và chồng của bà Lợi là ông Ngọa khi đo đạc đất đã đo phần lối đi của ông Đ vào đất của bà Lợi, ông Ngọa đồng ý trả lại đất cho ông Đ. Đồng thời, những người cao tuổi tại địa phương đều xác định phần đất này là lối đi của gia đình ông Đ. Do đó, ông Đ yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên.

Chủ tịch UBND huyện B trình bày: Phần đất lối đi diện tích 86m^2 mà ông Đ yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ là của ông Ngọa, sau khi ông Ngọa mất thì bà Lợi là vợ của ông Ngọa đã lập thủ tục thừa kế phần đất này. Nhưng phát hiện thửa đất có sai sót về mặt diện tích nên bà Lợi có yêu cầu đo đạc để sửa sai về diện tích thửa đất 99 của bà Lợi. Qua đo đạc (khi đo

đạc có các chủ giáp ranh ký tên, trong đó có ông Đ) thì diện tích thửa đất tăng lên là 876.9m^2 và bà Lợi đã thừa kế phần đất này. Đồng thời, khi đo đạc lại bà Lợi tự nguyện tách phần đất 86m^2 làm lối đi công cộng. Đến năm 2013, bà Lợi chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 99 cho người khác. Như vậy, phần đất 86m^2 mà ông Đ đang khiếu nại không phải của ông Đ mà của bà Lợi hiến tặng làm đường đi chung nên việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định 2202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 không công nhận nội dung khiếu nại của ông Đ là phù hợp.

Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre trình bày: Phần đất là lối đi diện tích 86m^2 mà ông Đ yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ là của ông Nguyễn Văn Tuấn (là ông nội của ông Đ), ông Đ để cho các hộ dân sử dụng làm lối đi từ trước năm 1975. Năm 1994, khi tiến hành đo đạc để thành lập bản đồ địa chính thì phần lối đi này được đo nhập vào thửa 99 tờ bản đồ số 7 do ông Ngọa kê khai, đăng ký và được cấp GCNQSDĐ vào năm 1997. Năm 2000, ông Ngọa mất thì bà Lợi là vợ của ông Ngọa đã lập thủ tục để thừa kế phần đất này. Qua đo đạc (khi đo đạc có các chủ giáp ranh ký tên, trong đó có ông Đ) bà Lợi tự nguyện tách phần đất 86m^2 làm lối đi công cộng. Đến năm 2013, bà Lợi chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 99 cho người khác. Như vậy, phần đất 86m^2 mà ông Đ đang khiếu nại không phải của ông Đ mà là của bà Lợi hiến tặng làm đường đi nên việc Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định 171/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 không công nhận nội dung khiếu nại của ông Đ là phù hợp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 46/2019/HC-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Áp dụng Luật khiếu nại năm 2011; Áp dụng Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên & Môi trường; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định 2202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ và Quyết định 171/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Nguyễn Văn Đ cư ngụ tại Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/11/2019 ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định 2202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B, hủy Quyết định 171/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi cho ông Đ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa đầy đủ người nhận chuyển nhượng đất và UBND xã tham gia tố tụng là vi phạm. Về nội dung, ông Ngọa sử dụng diện tích đất 836m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà Lợi là người thừa kế cũng sử dụng 836m^2 nhưng khi tách thửa thì diện tích đất của bà Lợi tăng lên. Ông Đ chỉ yêu cầu công nhận 86m^2 đất là của ông Đ, do UBND huyện B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.450m^2 cho ông Đ nhưng UBND huyện B giải quyết khiếu nại cho rằng ông Đ yêu cầu cấp giấy chứng nhận diện tích 86m^2 là không đúng nội dung, không đúng thẩm quyền nên đề nghị hủy các quyết định bị khởi kiện trên.

Người bảo vệ quyền lợi cho Chủ tịch UBND huyện B cho rằng Chủ tịch UBND huyện B giải quyết đúng trình tự, thủ tục, đúng quy định của pháp luật đề nghị bác đơn kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án như sau: Về thủ tục tố tụng, người tiến hành tố tụng, các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Trong vụ án hành chính không cần thiết phải đưa đầy đủ những người nhận chuyển nhượng đất, UBND xã vào tham gia tố tụng nên không coi là vi phạm thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án, ông Ngọa sử dụng diện tích đất là 836m^2 được cấp giấy chứng nhận, sau khi ông Ngọa chết bà Lợi làm thủ tục thừa kế diện tích đất trên; sau khi đo lại đất ông Đ là người sử dụng đất giáp ranh ký xác định đất lối đi của bà Lợi. Nay ông Đ yêu cầu cấp giấy chứng nhận đối với 86m^2 đất lối đi cho ông Đ là không có căn cứ. Đề nghị bác đơn kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của ông Đ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất

đai, thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại"; đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B, Quyết định số số 171/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre được quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét kháng cáo của ông Đ yêu cầu hủy Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B thì thấy:

[2.1]. Theo tài liệu có trong hồ sơ thì nguồn gốc thửa đất 98, 99 tờ bản đồ số 07 là của cụ Nguyễn Văn Tuấn để lại cho các con cháu; ông Đ là người thừa kế sử dụng thửa đất 98, ông Ngọa sử dụng thửa đất 99. Ngày 12/02/1997, UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 836m^2 tại thửa 99, tờ bản đồ số 07 cho ông Ngọa (BL: 192); đến ngày 28/4/1998, ông Ngọa bệnh chết, bà Lợi là vợ làm thủ tục thừa kế và năm 2011 bà Lợi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với diện tích 836m^2 đất tại thửa 99, tờ bản đồ số 07 (BL: 194).

[2.2]. Theo hồ sơ biến động đất của bà Lợi tại thửa 99, tờ bản đồ số 07, diện tích từ 836m^2 tăng lên 876,9m^2 do UBND huyện B cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm thì không có đơn yêu cầu của bà Lợi về việc yêu cầu đo vẽ, chỉnh lý lại diện tích đất của bà Lợi. Theo Biên bản về việc đo đạc, sửa sai theo hiện trạng thửa đất ngày 27/10/2011 của Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ba Tri đã xác nhận: Theo đơn của ông Ngọa nhận ngày 24/10/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã tiến hành đo đạc, sửa sai theo hiện trạng thửa đất 99 (BL: 61) nhưng tại thời điểm này ông Ngọa đã chết; hơn nữa khi UBND huyện B điều chỉnh tăng diện tích đất cho bà Lợi, chưa xem xét đầy đủ tài liệu có liên quan, như thực tế sử dụng đất giữa ông Đ và bà Lợi… nhưng UBND huyện B chỉ dựa vào bản vẽ có ông Đ là người sử dụng đất giáp ranh ký (sau đó khiếu nại), để điều chỉnh tăng diện tích đất cho bà Lợi tại thửa 99, tờ bản đồ số 07, từ 836m^2 tăng lên 876,9m^2 là chưa đủ căn cứ.

[2.3]. Theo đơn khiếu nại, ông Đ xác định diện tích 86m^2 đất dùng làm lối đi riêng của ông và năm 2004 UBND huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 98, tờ bản đồ số 07 cho ông Đ diện tích 3.450m^2 (BL: 11, 12), trong đó có diện tích 86m^2 ông Đ đùng làm lối đi. Ông Đ chỉ yêu cầu UBND huyện B chỉnh sửa lại diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã (điều chỉnh) cấp cho bà Lợi, hiện bà Lợi đưa vào sử dụng làm lối đi chung nhưng Chủ tịch UBND huyện B lại cho rằng ông Đ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 86m^2 là không đúng nội dung yêu cầu giải quyết khiếu nại của ông Đ.

[2.4]. Theo Công văn số 3827/UBND-NC ngày 04/11/2020 của UBND

huyện B trả lời và cung cấp chứng cứ theo Công văn số 1501/2020/CV-TA ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì: Năm 2011, bà Lợi thuê đo đạc và tách thửa đất số 99 thành: Thửa số 99 có diện tích 332,1m^2, thửa số 843 có diện tích 272,5m^2, thửa số 844 có diện tích 272,3m^2, tổng diện tích là 876,9m^2 đất. Năm 2013, bà Lợi chuyển nhượng 3 thửa đất trên cho ông Nuôi, ông Kèo và ông Lam. Năm 2014, đo đạc lại theo dự án VLAP thì thửa số 99 đổi thành thửa 152 có diện tích 331,6m^2, thửa số 843 đổi thành thửa 165 có diện tích 266,0m^2, thửa số 844 đổi thành thửa 166 có diện tích 277,6m^2, tổng diện tích là 873,2m^2 đất;

Như vậy, đối chiếu quyền sử dụng đất của ông Ngọa, hồ sơ thừa kế của bà Lợi tại thửa 99, tờ bản đồ số 07, diện tích đất sử dụng là 836m^2. Nhưng khi thuê đo vẽ và tách thửa thì diện tích của bà Lợi hiện nay tăng lên từ 37,2m^2 đến 40,9m^2 (chưa tính diện tích đường đi). Do đó, khiếu nại của ông Đ yêu cầu UBND huyện B chỉnh lý lại diện tích 86m^2 đất (lối đi của ông Đ) đã cấp cho bà Lợi là có căn cứ; phù hợp với xác nhận của bà Lợi tại Tờ tường thuật ngày 14/3/2012 (BL: 110). Do đó, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 giải quyết khiếu nại, bác yêu cầu của ông Đ là không đúng nội dung yêu cầu giải quyết khiếu nại, không đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

[3]. Từ những phân tích trên, Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre giải quyết khiếu nại lần 2 có nội dung giữ nguyên Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B là không đúng quy định pháp luật.

[4]. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận; chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định nêu trên. Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; ông Đ không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

I. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 46/2019/HC-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai

năm 2013. Căn cứ khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu: Hủy Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Bến Tre và hủy Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại, đối với ông Nguyễn Văn Đ cư ngụ tại Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu, đã nộp xong.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre nộp 300.000 đồng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre nộp 300.000 đồng.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý